

Kế toán Ngân hàng thương mại

Giảng viên:

Đề tài: Nghiệp vụ huy động vốn

Nhóm:

Linda

Chương 2: Kế toán nghiệp vụ huy động vốn

- I. Những vấn đề cơ bản về nghiệp vụ huy động vốn và kế toán huy động vốn
 1. Ý nghĩa của nguồn vốn huy động
 2. Nội dung kinh tế của các nguồn vốn huy động
 3. Tài khoản sử dụng trong nghiệp vụ huy động vốn
 4. Nguyên tắc hạch toán lãi trong nghiệp vụ huy động vốn

- II. Kế toán nghiệp vụ huy động vốn
 1. Kế toán tiền gửi
 2. Kế toán tiền gửi tiết kiệm
 3. Kế toán nghiệp vụ phát hành giấy tờ có giá

Những vấn đề cơ bản

► Ý nghĩa nghiệp vụ huy động vốn

- Vốn huy động là nguồn vốn chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn
- Có ý nghĩa quyết định tới sự tồn tại và phát triển của NH

► Muốn huy động vốn các NHTM cần thực hiện tốt

- Lãi suất huy động hợp lý
- Thủ tục đơn giản, thuận tiện, nhanh chóng, an toàn
- Có nhiều sản phẩm dựa trên nền tảng CNTT hiện đại
- Mở rộng mạng lưới hợp lý
- Thái độ, phong cách giao dịch của cán bộ ngân hàng
- Tuyên truyền quảng bá sản phẩm
- Xây dựng hình ảnh ngân hàng
- Tham gia bảo hiểm tiền gửi

Linda

Các loại nguồn vốn huy động

- **Tiền gửi**
 - Không kỳ hạn
 - Có kỳ hạn
- **Tiền gửi tiết kiệm**
 - Không kỳ hạn
 - Có kỳ hạn
- **Phát hành các GTCG (kỳ phiếu, trái phiếu, CDs)**
 - Phát hành ngang giá
 - Phát hành có chiết khấu
 - Phát hành có phụ trội
- **Vốn đi vay**
 - Vay tại thị trường liên ngân hàng
 - Vay của NHNN
 - Vay của nước ngoài

Tài khoản sử dụng

- ▣ TK421: Tiền gửi của KH trong nước bằng VND (Dư có)
- ▣ TK422: Tiền gửi của KH trong nước bằng ngoại tệ (Dư có)
- ▣ TK423: Tiền gửi tiết kiệm bằng VND (Dư có)
- ▣ TK424: Tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ & vàng (Dư có)
- ▣ TK431: Mệnh giá GTCG bằng đồng Việt nam (Dư có)
- ▣ TK434: Mệnh giá GTCG bằng ngoại tệ & vàng (Dư có)
- ▣ TK432: Chiết khấu GTCG bằng VND (Dư nợ)
- ▣ TK435: Chiết khấu GTCG bằng ngoại tệ & vàng (Dư nợ)
- ▣ TK433: Phụ trội GTCG bằng VND (Dư có)
- ▣ TK436: Phụ trội GTCG bằng ngoại tệ & vàng (Dư có)
- ▣ TK49 : Lãi & phí phải trả cho tiền gửi (Dư có)
- ▣ TK388: Chi phí chờ phân bổ (Dư nợ)
- ▣ TK801: Chi phí trả lãi tiền gửi (Dư nợ)
- ▣ TK803: Chi phí trả lãi phát hành giấy tờ có giá (Dư nợ)
- ▣ TK1011/1031: TM tại quỹ bằng VNĐ/bằng ngoại tệ (Dư nợ)

Kết cấu tài khoản 42

Nội dung: Dùng để phản ánh số tiền mà khách hàng đang gửi tại NH

Tài khoản 42

Khách hàng rút tiền	Khách hàng gửi tiền
	<u>Dư Có:</u> Số tiền KH đang gửi tại NH

Linda

Kết cấu tài khoản 431/434

Nội dung: Phản ánh giá trị GTCG phát hành theo mệnh giá và việc thanh toán GTCG đáo hạn trong kỳ

Tài khoản 431/434

Thanh toán GTCG (khi Đáo hạn)	Mệnh giá GTCG (khi Phát hành)
	<u>Dư có:</u> GTCG mà TCTD đang phát hành

L i n d a

Kết cấu tài khoản 432/435

Nội dung: Phản ánh giá trị chiết khấu GTCG phát sinh khi TCTD đi vay bằng hình thức phát hành GTCG có chiết khấu và việc phân bổ giá trị chiết khấu trong kỳ

Tài khoản 432/435

Chiết khấu GTCG phát sinh trong kỳ (khi Phát hành)	Phân bổ chiết khấu GTCG trong kỳ (Định kỳ)
<u>Dư Nợ:</u> Chiết khấu GTCG chưa phân bổ trong kỳ	

Kết cấu tài khoản 433/436

Nội dung: Phản ánh giá trị phụ trội GTCG phát sinh khi TCTD đi vay bằng hình thức phát hành GTCG có phụ trội và việc phân bổ giá trị phụ trội trong kỳ

Tài khoản 433/436

Phân bổ phụ trội GTCG trong kỳ (Định kỳ)	Phụ trội GTCG phát sinh trong kỳ (khi Phát hành)
	<u>Dư Có:</u> Phụ trội GTCG chưa phân bổ trong kỳ

Kết cấu tài khoản 49

Nội dung: Phản ánh số lãi dồn tích tính trên các tài khoản nguồn vốn mà TCTD phải trả khi đáo hạn

Tài khoản 49

Số tiền lãi thanh toán cho KH (Đáo hạn)	Số tiền lãi phải trả dồn tích (Định kỳ)
	<u>Dư Có:</u> Số tiền lãi phải trả dồn tích chưa thanh toán

Linda

Kết cấu tài khoản 388

Nội dung: Phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kqkd của nhiều kỳ kế toán và việc phân bổ các khoản chi phí này vào chi phí của các kỳ kế toán

Tài khoản 388

Chi phí trả trước chờ phân bổ (Đầu kỳ)	Chi phí trả trước được phân bổ trong kỳ (Định kỳ)
<u>Dư Nợ:</u> CP trả trước chưa được phân bổ	

Kết cấu tài khoản 80

Nội dung: Phản ánh chi phí trả lãi phát sinh trong kỳ kế toán

Tài khoản 80

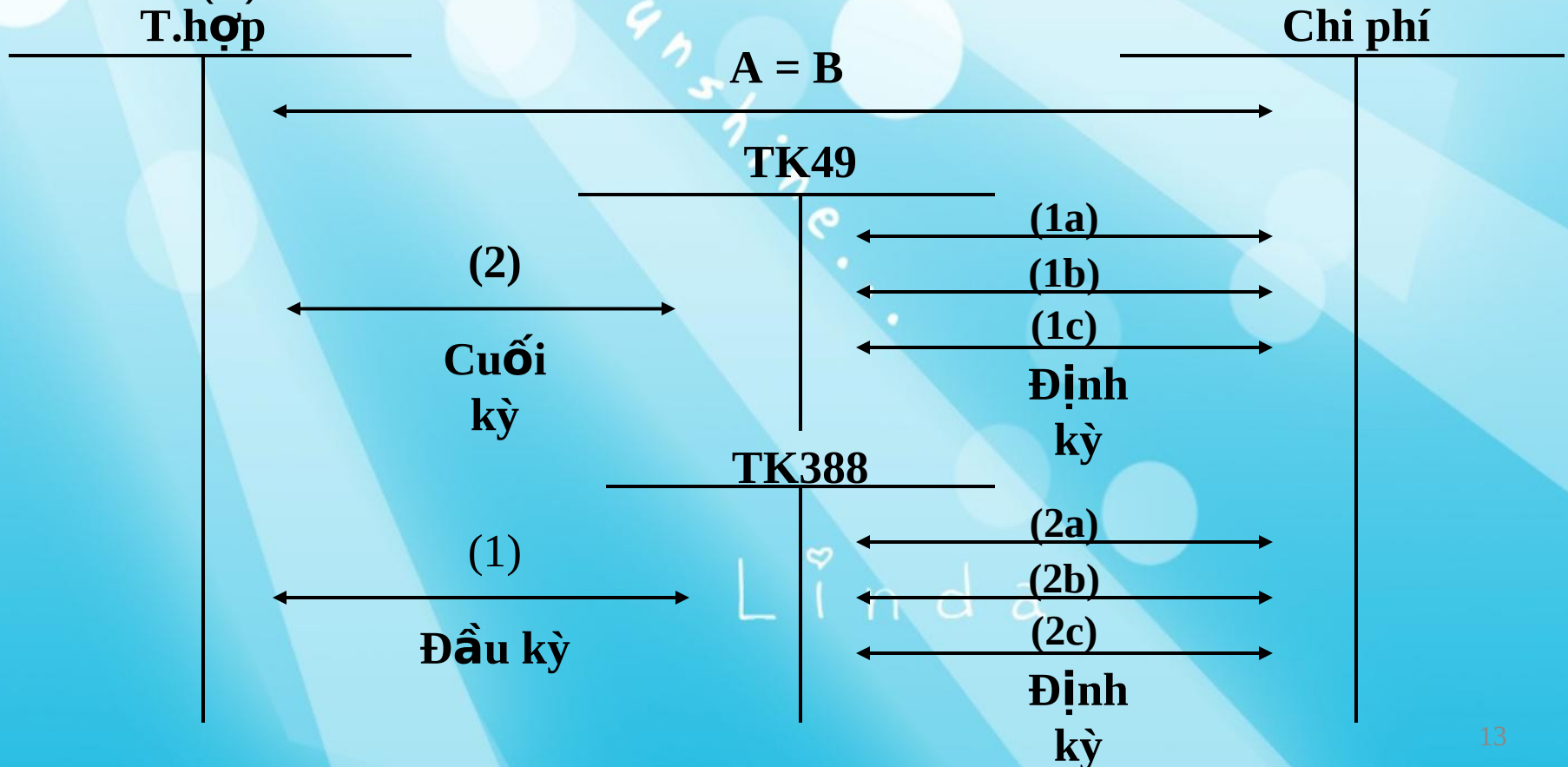
Chi phí trả lãi phát sinh trong kỳ	Chi phí trả lãi được thoái chi trong kỳ
<u>Dư Nợ:</u> CP trả lãi trong kỳ	

Linda

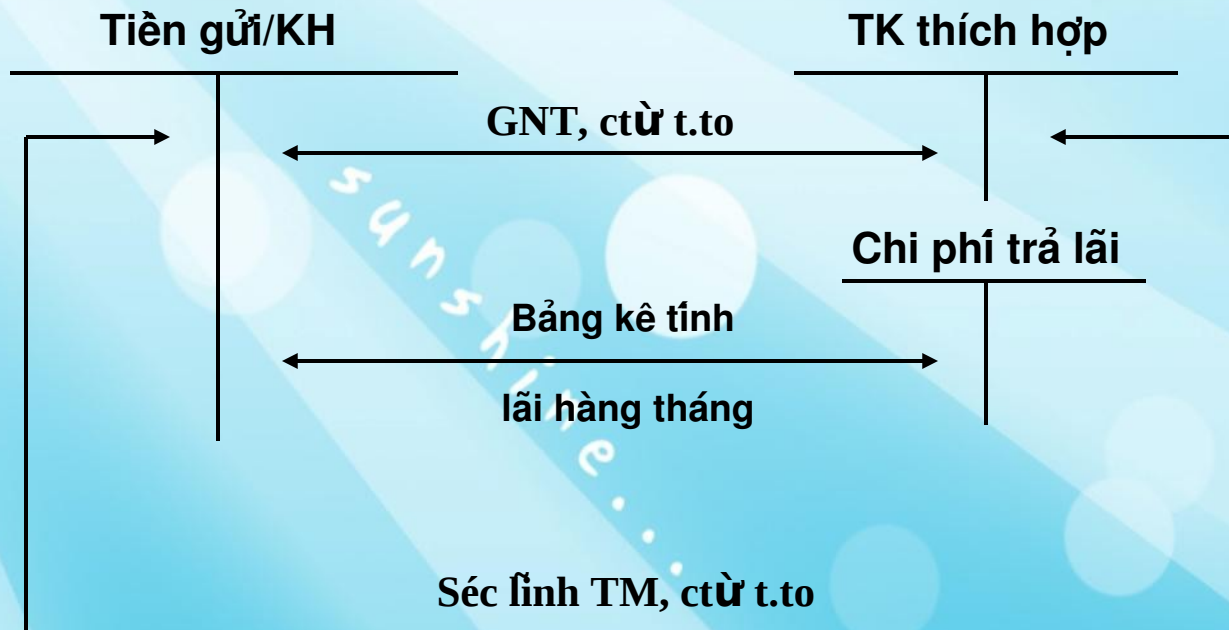
Nguyên tắc hạch toán lãi

- **Áp dụng nguyên tắc kế toán: Cơ sở dồn tích**

Chi phí trả lãi phải được ghi nhận vào thời điểm phát sinh (A) theo kỳ kế toán chứ không phải thời điểm thực phát sinh luồng tiền chi ra (B)



Quy trình kế toán TG KKH



- TK thích hợp bao gồm: TM, TG của KH khác cùng NH, TK thanh toán vốn giữa các NH...
- NH tính lãi cho khách hàng theo phương pháp tích số, vào ngày gần cuối tháng và lãi được nhập gốc

Ví dụ tính lãi theo tích số

Ngày (1)	Số dư (2)	Số ngày thực tế (3)	Tích số (=2*3)
27/7 mang sang	1.280.000	4	
31/07/05	720.000	4	
04/08/05	1.800.000	10	
14/08/05	5.900.000	2	
16/08/05	3.500.000	8	
24/08/05	9.600.000	3	
27/08/05	---	---	
		= 31	Tổng tích số

Tổng tích số * l/s (tháng)

$$\text{Lãi tháng} = \frac{\text{Linda}}{30}$$

Kế toán Tiền gửi tiết kiệm KKH

- Tương tự Kế toán tiền gửi KKH, không được hưởng dịch vụ thanh toán, chỉ nộp và rút tiền mặt.
- Tính lãi: theo phương pháp tích số
- Thời điểm tính lãi:
 - Tính lãi tròn tháng
 - Tính lãi vào ngày gần cuối tháng cho tất cả các KH
- Hạch toán:
 - Nếu khách hàng đến lĩnh lãi vào ngày tính lãi thì trả lãi cho khách hàng bằng tiền mặt
 - Nếu KH không đến lĩnh lãi thì lãi lại được nhập gốc

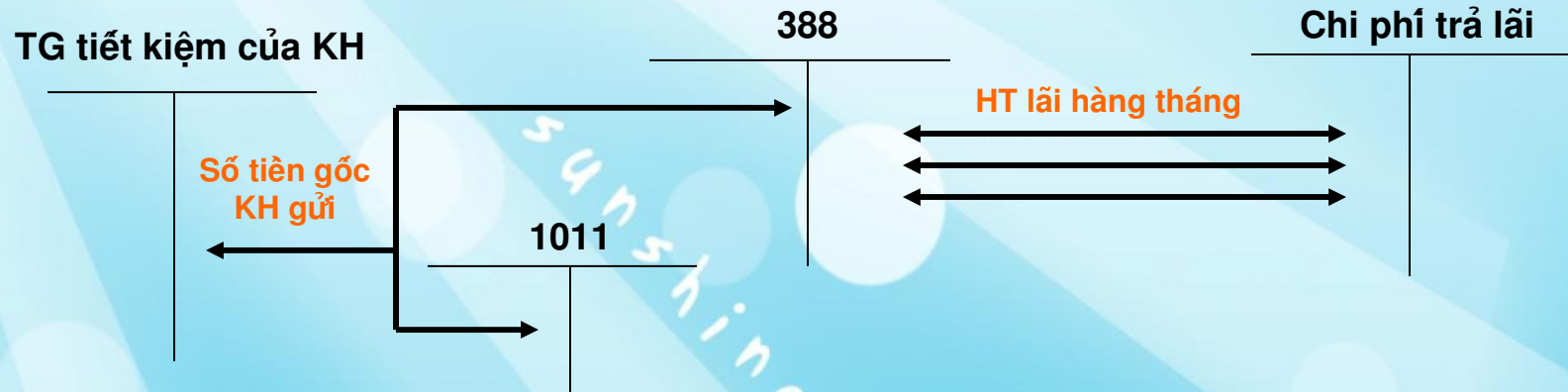
Linda

Kế toán Tiền gửi tiết kiệm CKH

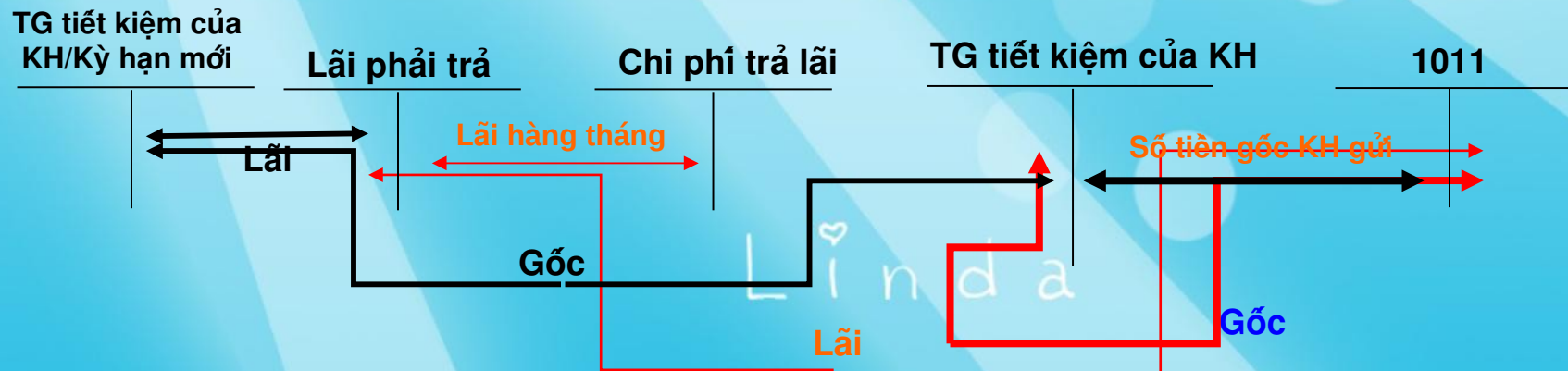
- Nguyên tắc: Gửi có kỳ hạn thì không được rút trước hạn, nếu rút trước hạn sẽ phải hưởng lãi suất khác nhỏ hơn lãi suất đúng hạn (Tùy vào chính sách của mỗi NH)
- Tính lãi theo món
- Hình thức trả lãi:
 - Trả lãi định kỳ
 - Trả lãi khi đáo hạn
- Hàng tháng: phải hạch toán lãi để ghi nhận vào chi phí trả lãi đều đặn, lãi hàng tháng tuyệt đối không nhập gốc
- Khi đáo hạn nếu KH không đến lĩnh tiền, NH sẽ nhập lãi vào gốc và mở cho KH một kỳ hạn mới tương đương với kỳ hạn cũ theo mức lãi suất hiện hành.

Sơ đồ hạch toán tiết kiệm có kỳ hạn

Loại trả lãi trước:

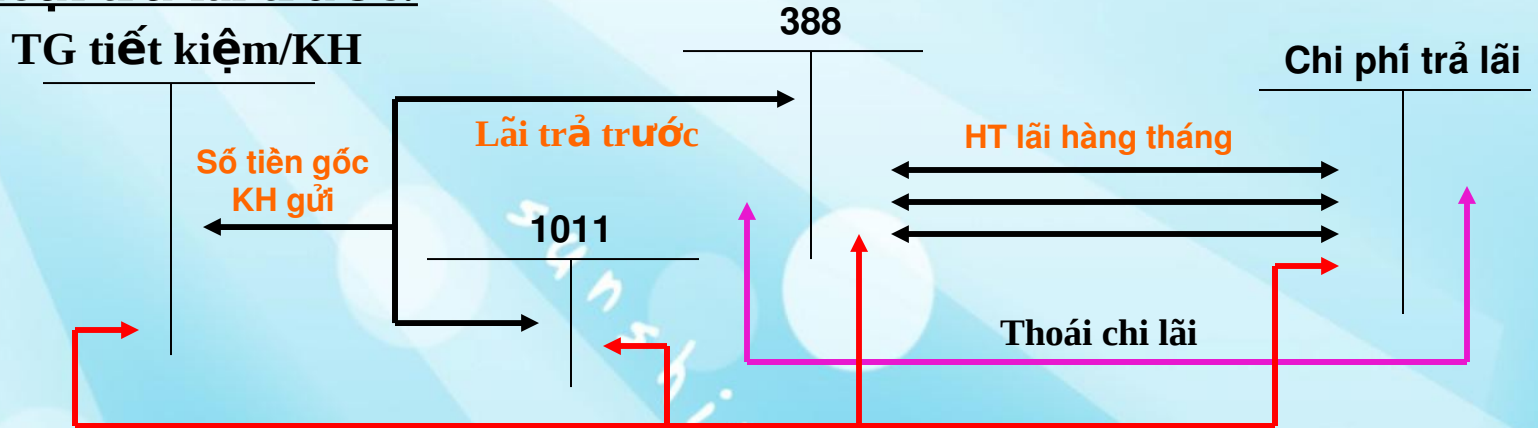


Loại trả lãi sau:

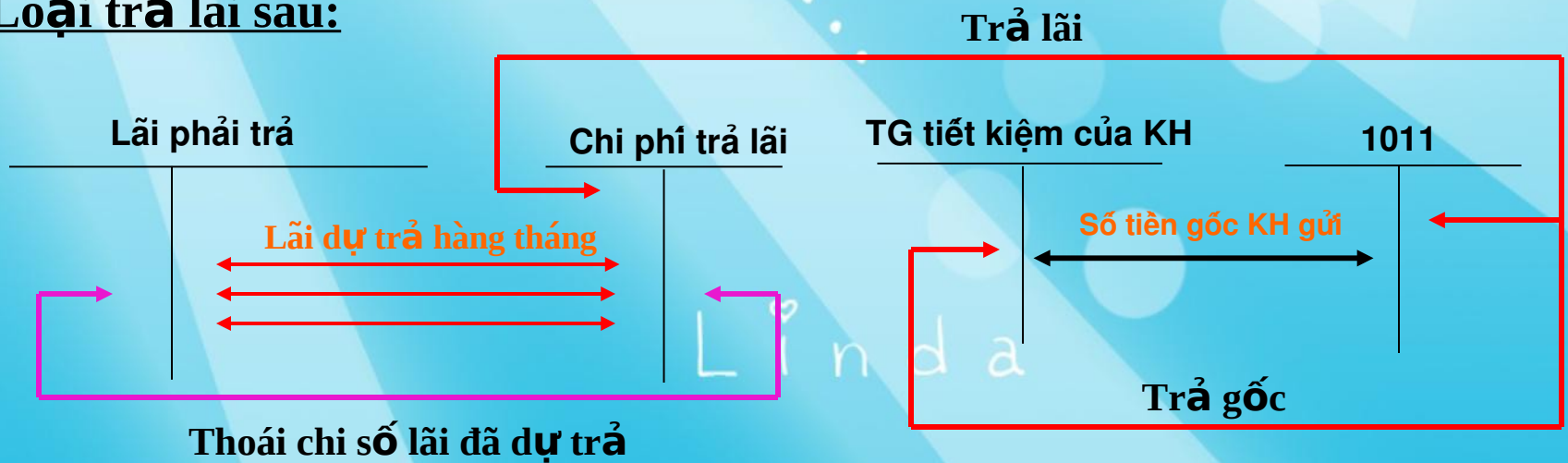


Xử lý trường hợp KH rút trước hạn

Loại trả lãi trước:



Loại trả lãi sau:



Kế toán phát hành GTCG

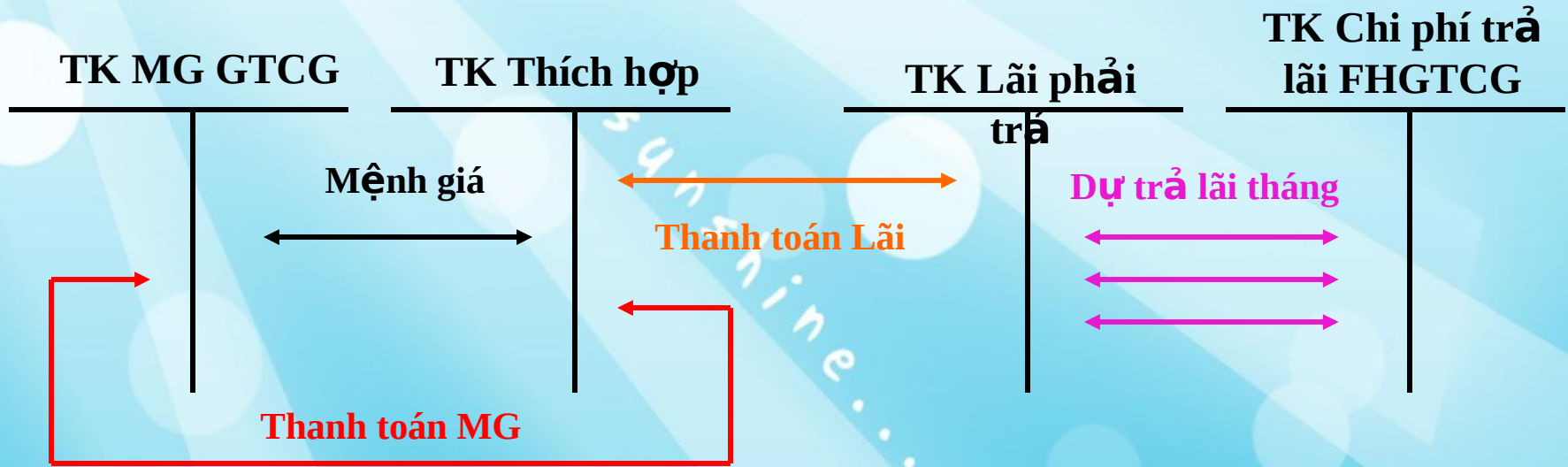
- Vì sao các NHTM phải phát hành kỳ phiếu, trái phiếu NHTM?
- Phát hành khi nào?
- Các sản phẩm chủ yếu được các NHTM Việt Nam sử dụng

1. Ngang giá	a) Trả lãi theo định kỳ	b) Trả lãi khi đáo hạn	c) Trả lãi trước
2. Có phụ trội	a) Trả lãi theo định kỳ	b) Trả lãi khi đáo hạn	c) Trả lãi trước
3. Chiết khấu	a) Trả lãi theo định kỳ	b) Trả lãi khi đáo hạn	c) Trả lãi trước

Linda

Kế toán phát hành GTCG trả lãi sau

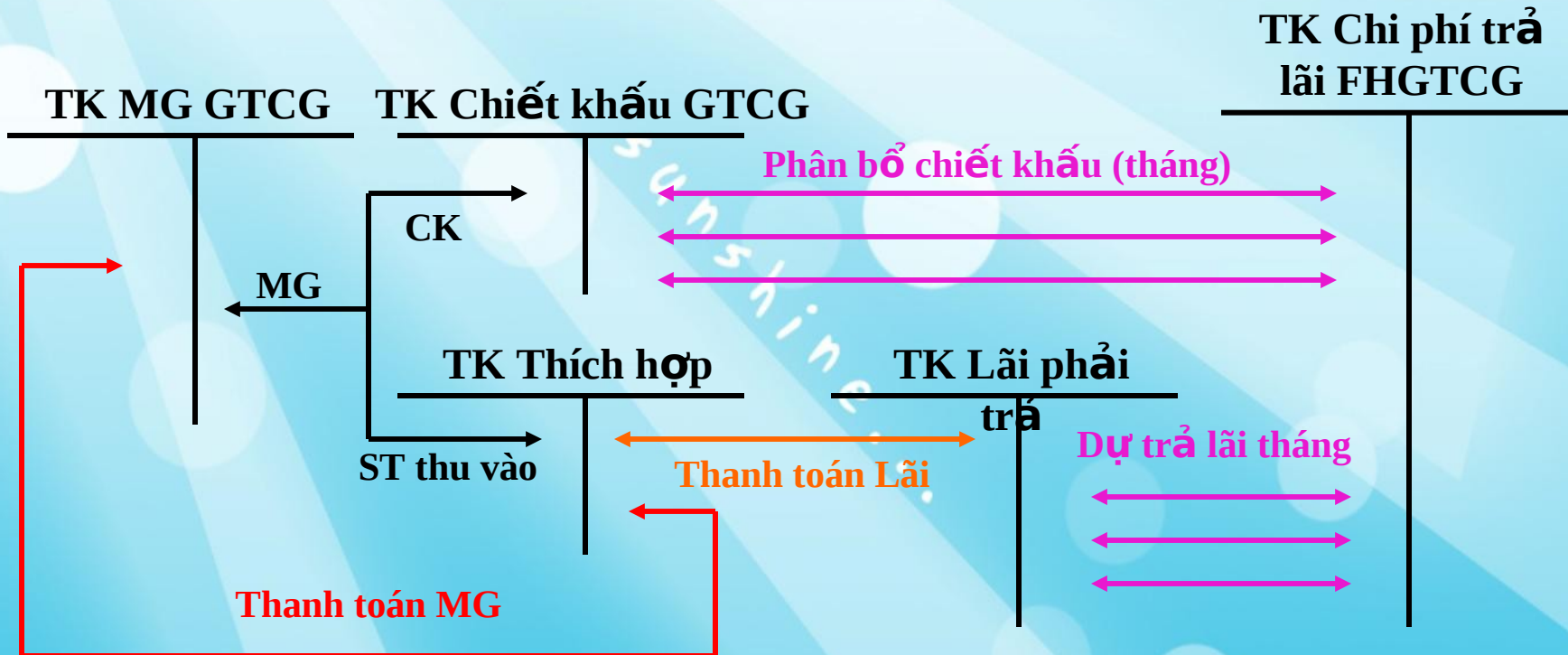
Trường hợp Phát hành Ngang giá



- Trường hợp quá hạn KH mới đến lĩnh tiền thì KH sẽ được hưởng lãi dôi ra trên MG, theo lãi suất KKH.

Kế toán phát hành GTCG trả lãi sau

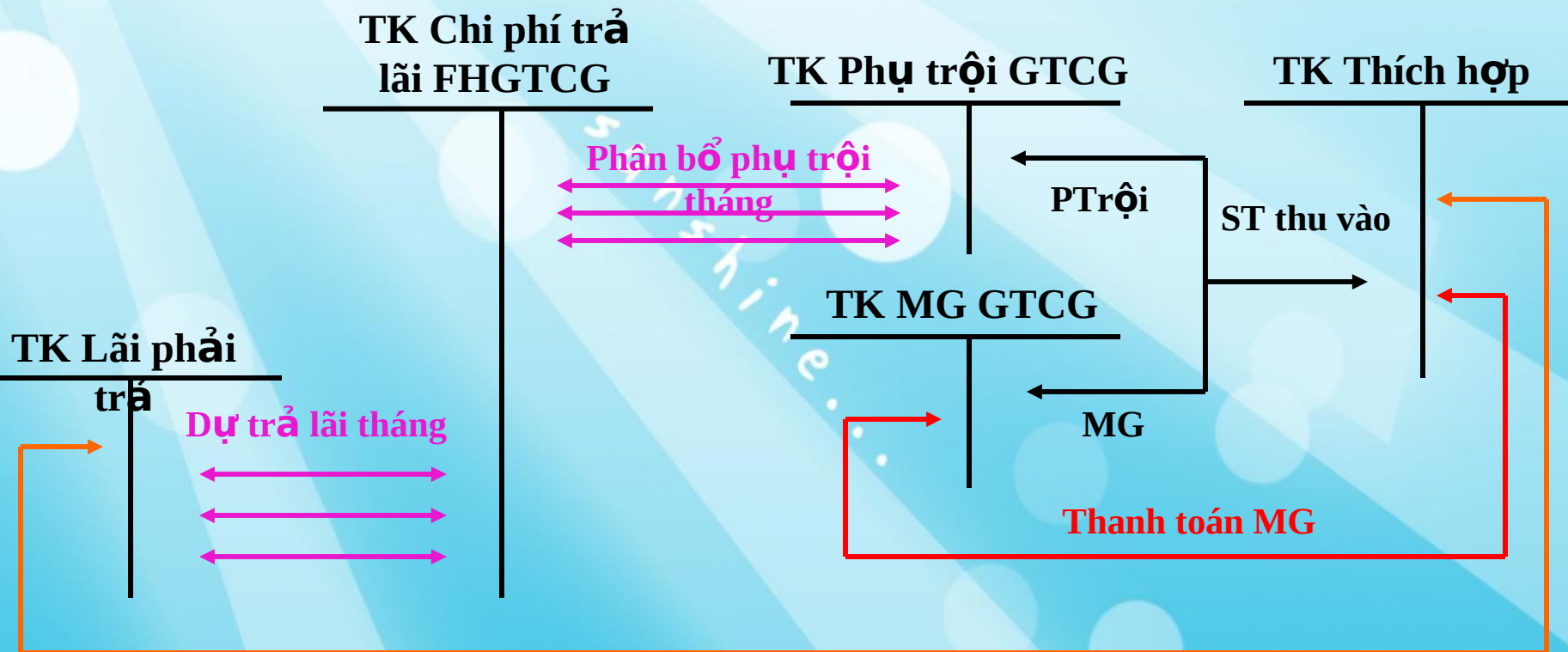
Trường hợp Phát hành có Chiết khấu



- Trường hợp quá hạn KH mới đến lĩnh tiền thì KH sẽ được hưởng lãi dôi ra trên MG, theo lãi suất KKH.

Kế toán phát hành GTCG trả lãi sau

Trường hợp Phát hành có Phụ trội

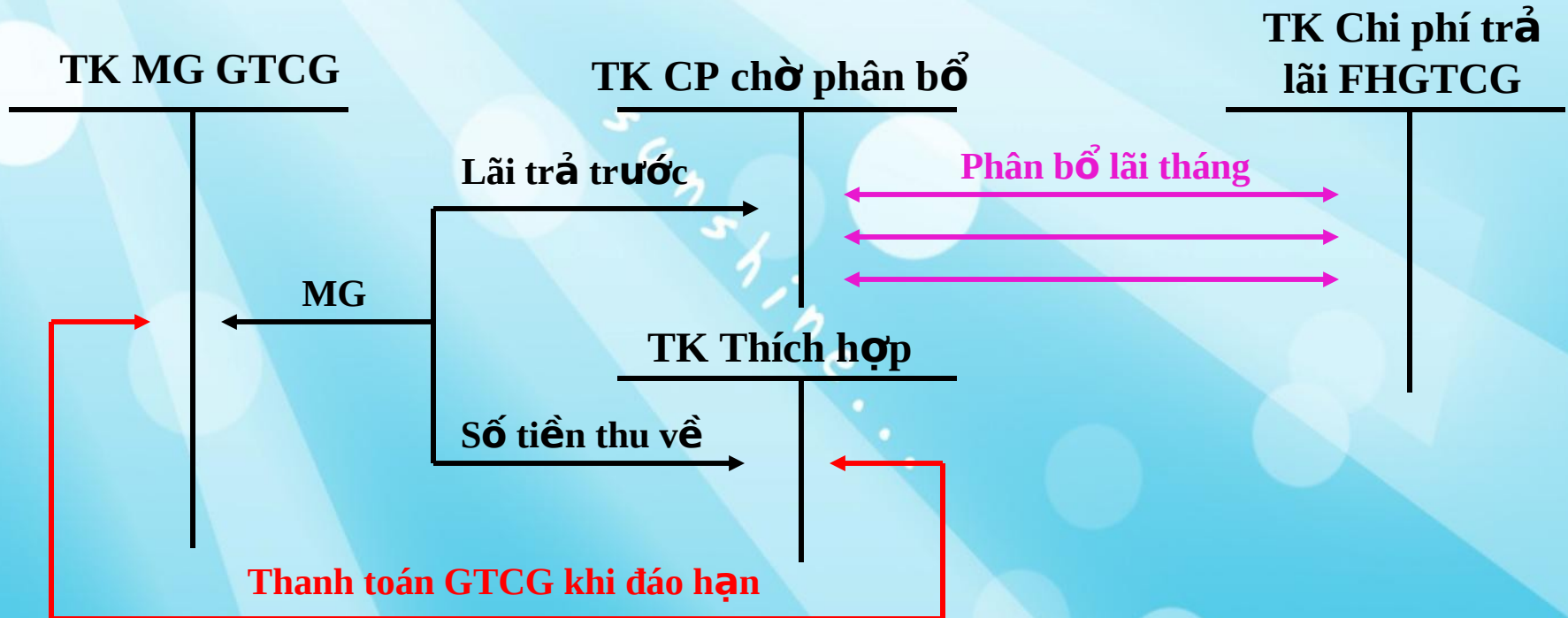


Thanh toán Lãi

Linda

Kế toán phát hành GTCG trả lãi trước

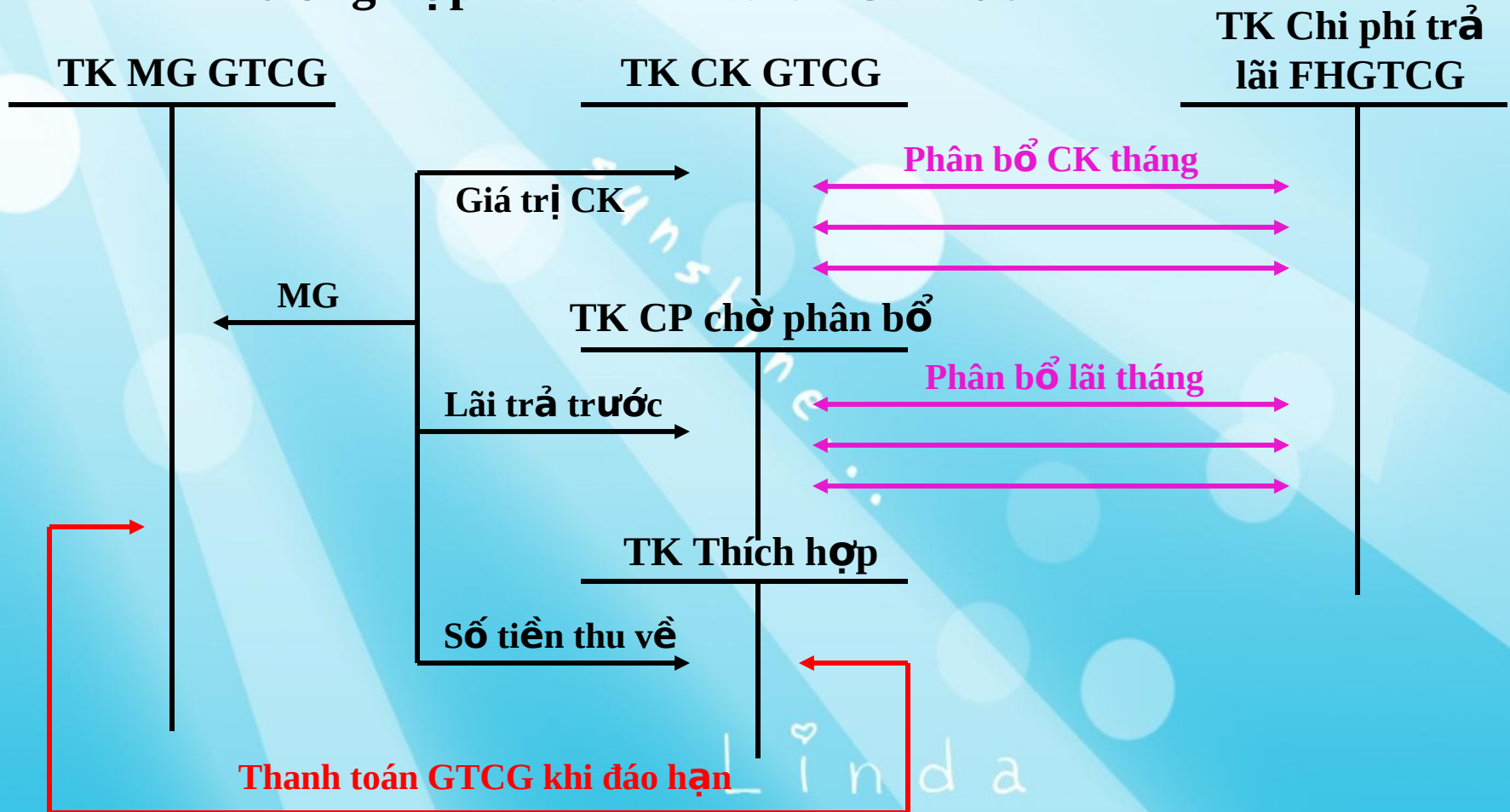
Trường hợp Phát hành Ngang giá



- Trường hợp quá hạn KH mới đến lĩnh tiền thì KH sẽ được hưởng lãi dôi ra trên MG, theo lãi suất KKH.

Kế toán phát hành GTCG trả lãi trước

Trường hợp Phát hành có Chiết khấu



Kế toán phát hành GTCG trả lãi trước

Trường hợp Phát hành có Phụ trội

Phân bổ Giá trị Phụ trội (tháng)

